

NGHỊ ĐỊNH SỐ 252/2026/NĐ-CP

BỘ CÂU HỎI - ĐÁP

Câu hỏi 1: Đăng ký thuế có bắt buộc thực hiện trực tiếp tại cơ quan thuế không?

Trả lời: Không. Căn cứ Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, đăng ký thuế được thực hiện bằng phương thức điện tử hoặc tự động qua Hệ thống thông tin quản lý thuế. Nếu cơ quan thuế đã nhận đủ thông tin qua cơ chế một cửa liên thông thì người nộp thuế không phải thực hiện trực tiếp.

Câu hỏi 2: Thời hạn đăng ký thuế lần đầu đối với tổ chức, cá nhân đăng ký trực tiếp là bao lâu?

Trả lời: Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, thông thường là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh sự kiện làm phát sinh nghĩa vụ đăng ký thuế theo từng trường hợp quy định.

Câu hỏi 3: Cá nhân đăng ký thuế cho người phụ thuộc chậm nhất khi nào?

Trả lời: Căn cứ điểm a.4 và điểm d khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, trường hợp cá nhân trực tiếp đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc, thời hạn chậm nhất là ngày 31/12 của năm tính thuế; trường hợp tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập đăng ký thay cho người phụ thuộc cũng thực hiện chậm nhất ngày 31/12 của năm tính thuế.

Câu hỏi 4: Cá nhân thay đổi căn cước có phải làm thủ tục thay đổi thông tin thuế không?

Trả lời: Căn cứ điểm e.3 khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, nếu Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ và tự động đồng bộ với cơ sở dữ liệu thuế thì cá nhân không phải làm thủ tục riêng; hệ thống gửi thông báo về thông tin đã cập nhật. Trường hợp chưa tự động đồng bộ thì người nộp thuế thực hiện theo thời hạn quy định.

Câu hỏi 5: Người nộp thuế tạm ngừng kinh doanh phải thông báo khi nào?

Trả lời: Căn cứ điểm g.2 khoản 3 Điều 6 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, đối với trường hợp không thực hiện qua cơ quan đăng ký kinh doanh, phải thông báo cho cơ quan thuế chậm nhất 01 ngày làm việc trước khi tạm ngừng; mỗi lần thông báo người nộp thuế được tạm ngừng hoạt động, kinh doanh không quá 12 tháng.

Câu hỏi 6: Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có làm chấm dứt nghĩa vụ thuế không?

Trả lời: Không. Căn cứ Điều 7 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, người nộp thuế vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh và còn tồn tại trong thời gian bị thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Câu hỏi 7: Kỳ quyết toán thuế được xác định như thế nào?

NGHỊ ĐỊNH SỐ 252/2026/NĐ-CP

Trả lời: Căn cứ Điều 9 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, theo kỳ kế toán năm; riêng thuế thu nhập cá nhân theo năm dương lịch.

Câu hỏi 8: Thời hạn khai thuế theo từng lần phát sinh được tính từ ngày nào?

Trả lời: Căn cứ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, thời hạn khai thuế theo từng lần phát sinh là ngày thứ 10 kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh nghĩa vụ thuế, trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng.

Câu hỏi 9: Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế là khi nào?

Trả lời: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, chậm nhất ngày cuối cùng của tháng thứ ba kể từ ngày kết thúc kỳ quyết toán thuế, trừ trường hợp có thời hạn riêng.

Câu hỏi 10: Không phát sinh số thuế phải nộp có đương nhiên không phải nộp tờ khai không?

Trả lời: Không. Chỉ không phải nộp hồ sơ khai thuế khi thuộc đúng trường hợp được quy định tại Điều 11 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP hoặc pháp luật thuế chuyên ngành.

Câu hỏi 11: Thời hạn khai bổ sung hồ sơ khai thuế là bao lâu?

Trả lời: Căn cứ Điều 12 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ có sai, sót, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Câu hỏi 12: Khai bổ sung làm tăng số thuế phải nộp thì người nộp thuế phải làm gì?

Trả lời: Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, người nộp thuế phải nộp đủ số thuế tăng thêm và tiền chậm nộp phát sinh theo quy định; đồng thời thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến hồ sơ khai bổ sung.

Câu hỏi 13: Tổ chức khai thay, nộp thay có cần mã số thuế riêng không?

Trả lời: Căn cứ Điều 6, Điều 8, Điều 22 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, trường hợp pháp luật quy định cấp mã số thuế nộp thay thì tổ chức, cá nhân phải đăng ký đúng thời hạn và sử dụng mã số thuế nộp thay khi thực hiện nghĩa vụ.

Câu hỏi 14: Được gia hạn nộp thuế có làm giảm số thuế phải nộp không?

Trả lời: Không. Căn cứ Điều 25 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, gia hạn chỉ kéo dài thời hạn nộp trong phạm vi, thời gian được chấp thuận; không làm thay đổi số tiền thuế, khoản thu khác phải nộp.

Câu hỏi 15: Khi nào phát sinh tiền chậm nộp?

NGHỊ ĐỊNH SỐ 252/2026/NĐ-CP

Trả lời: Căn cứ Điều 26 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, khi người nộp thuế nộp tiền sau thời hạn theo quy định, trừ các trường hợp không tính hoặc chưa tính tiền chậm nộp theo pháp luật.

Câu hỏi 16: Người nộp thuế cần làm gì khi số tiền chậm nộp trên hệ thống chưa chính xác?

Trả lời: Căn cứ Điều 26 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, người nộp thuế phải đối chiếu hồ sơ, chứng từ nộp ngân sách và gửi phản hồi, đề nghị điều chỉnh kèm tài liệu chứng minh cho cơ quan quản lý thuế.

Câu hỏi 17: Hồ sơ hoàn thuế được phân loại như thế nào?

Trả lời: Căn cứ Điều 29, Điều 30 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, hồ sơ hoàn thuế được phân loại hoàn trước hoặc kiểm tra trước hoàn căn cứ trường hợp hoàn, mức độ tuân thủ, rủi ro và quy định pháp luật.

Câu hỏi 18: Người nộp thuế phải làm gì khi cơ quan thuế yêu cầu bổ sung hồ sơ hoàn?

Trả lời: Căn cứ Điều 31 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, người nộp thuế phải bổ sung, giải trình đầy đủ trong thời hạn yêu cầu; trường hợp không đáp ứng, việc giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định.

Câu hỏi 19: Miễn, giảm thuế có được áp dụng tự động không?

Trả lời: Căn cứ Điều 32 và Điều 33 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, miễn, giảm thuế chỉ áp dụng tự động nếu pháp luật quy định. Các trường hợp khác, người nộp thuế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Câu hỏi 20: Khoanh nợ có phải là xóa nợ không?

Trả lời: Không. Căn cứ Điều 34 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP khoanh nợ là tạm thời chưa áp dụng một số biện pháp thu nợ đối với khoản nợ thuộc trường hợp luật định; nghĩa vụ nợ vẫn được theo dõi.

Câu hỏi 21: Tiền thuế nợ đã xóa có thể bị phục hồi không?

Trả lời: Có, căn cứ Điều 35, Điều 75 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, tiền thuế nợ đã xóa có thể bị phục hồi khi phát sinh căn cứ phải hoàn trả hoặc phục hồi theo Luật Quản lý thuế và quy định chuyên tiếp.

Câu hỏi 22: Nhà cung cấp nước ngoài kinh doanh trên nền tảng số có phải nộp thuế tại Việt Nam không?

Trả lời: Có, căn cứ Điều 40, Điều 41 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, nếu phát sinh doanh thu thuộc diện chịu thuế tại Việt Nam; nhà cung cấp nước ngoài thực hiện đăng ký, khai, nộp trực tiếp hoặc ủy quyền theo quy định.

Câu hỏi 23: Cá nhân không cư trú kinh doanh trên nền tảng không có chức năng đặt hàng và thanh toán thực hiện nghĩa vụ thế nào?

NGHỊ ĐỊNH SỐ 252/2026/NĐ-CP

Trả lời: Cá nhân trực tiếp đăng ký, khai, tính và nộp thuế theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP.

Câu hỏi 24: Nền tảng nào phải khấu trừ, nộp thay cho hộ, cá nhân kinh doanh?

Trả lời: Căn cứ Điều 3, Điều 43 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số trong nước hoặc nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, thuộc phạm vi quy định của Nghị định.

Câu hỏi 25: Thời điểm khấu trừ thuế trên nền tảng số được xác định thế nào?

Trả lời: Thực hiện theo thời điểm và căn cứ quy định tại Điều 44 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, gắn với giao dịch và dòng tiền mà nền tảng kiểm soát, đối soát hoặc xác nhận.

Câu hỏi 26: Hộ, cá nhân kinh doanh có còn trách nhiệm khi nền tảng đã khấu trừ, nộp thay không?

Trả lời: Có. Căn cứ Điều 46 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, hộ, cá nhân kinh doanh phải cung cấp thông tin chính xác, kiểm tra dữ liệu và tự thực hiện phần nghĩa vụ chưa được nền tảng khấu trừ, nộp thay theo quy định.

Câu hỏi 27: Người nộp thuế nào có thể được áp dụng chế độ ưu tiên?

Trả lời: Người nộp thuế đáp ứng các điều kiện về tuân thủ pháp luật, quản trị, kết nối và chia sẻ dữ liệu cùng các điều kiện khác tại Điều 48 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP.

Câu hỏi 28: Chế độ ưu tiên có thể bị thu hồi không?

Trả lời: Có. Căn cứ Điều 48 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, chế độ ưu tiên bị tạm dừng hoặc thu hồi khi người nộp thuế không còn đáp ứng điều kiện hoặc thuộc trường hợp quy định.

Câu hỏi 29: Hồ sơ điện tử gửi qua Hệ thống thông tin quản lý thuế có giá trị pháp lý không?

Trả lời: Có, căn cứ Điều 50 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, hồ sơ điện tử gửi qua Hệ thống thông tin quản lý thuế có giá trị pháp lý khi đáp ứng điều kiện của pháp luật về quản lý thuế, giao dịch điện tử, chữ ký điện tử và các quy định có liên quan.

Câu hỏi 30: Người nộp thuế phải bảo vệ tài khoản giao dịch điện tử thế nào?

NGHỊ ĐỊNH SỐ 252/2026/NĐ-CP

Trả lời: Căn cứ Điều 50, Điều 54 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, người nộp thuế phải tự quản lý thông tin đăng nhập, chữ ký điện tử và thiết bị; không chia sẻ trái phép; kịp thời thông báo khi có nguy cơ mất an toàn và tuân thủ hướng dẫn của hệ thống.

Câu hỏi 31: Tổ chức chi trả thu nhập phải cung cấp thông tin gì?

Trả lời: Căn cứ Điều 60 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, tổ chức chi trả thu nhập phải cung cấp thông tin về chi trả thu nhập, số thuế đã khấu trừ và số thuế, khoản thu khác đã khai thay, nộp thay theo nội dung, phương thức, thời hạn quy định.

Câu hỏi 32: Người nộp thuế có phải cung cấp thông tin để trao đổi quốc tế về thuế không?

Trả lời: Có, theo Điều 63 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, khi thông tin thuộc phạm vi điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế hoặc tiêu chuẩn trao đổi thông tin mà Việt Nam thực hiện và có yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền, người nộp thuế phải cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Câu hỏi 33: Thông tin nào của người nộp thuế có thể bị công khai?

Trả lời: Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, nội dung công khai có thể bao gồm mã số thuế, tên, địa chỉ, lý do công khai và thông tin liên quan trực tiếp theo từng trường hợp; dữ liệu định danh cá nhân phải được che, mã hóa theo quy định.

Câu hỏi 34: Khi đã hoàn thành nghĩa vụ, thông tin công khai có được cập nhật không?

Trả lời: Có. Căn cứ Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, hệ thống thông tin quản lý thuế tự động cập nhật trạng thái hoàn thành nghĩa vụ và chấm dứt, cập nhật việc hiển thị theo quy định.

Câu hỏi 35: Cơ quan thuế có thể áp dụng nhiều biện pháp cưỡng chế cùng lúc không?

Trả lời: Có. Căn cứ Điều 65 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, khi người nộp thuế chưa nộp đủ tiền thuế nợ, cơ quan quản lý thuế có thể thực hiện đồng thời một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế theo quy định.

Câu hỏi 36: Người nộp thuế bị cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn có được sử dụng hóa đơn từng lần không?

Trả lời: Có thể được xem xét nếu có văn bản đề nghị và đáp ứng điều kiện; trong đó phải nộp ngay số tiền thuế nợ ít nhất bằng 18% tổng giá trị thanh toán trên hóa đơn trước khi được cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh theo Khoản 4 Điều 69 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP.